

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

---

Tháng 3 năm 2018

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 32

TRÁ  
/ B

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Kiều Văn Mát	Chủ tịch
Trần Minh Phong	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Kiều Quang Vọng	Thành viên
Lê Hùng Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Nguyễn Thanh Lê	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/06/2017)
Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên
Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Đặng Văn Chiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/06/2017)
Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/06/2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Kiều Văn Mát	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/11/2017)
Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/11/2017)
Kiều Quang Vọng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2018)
Nguyễn Hồng Quyền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2018)
Nguyễn Từ Chung	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2018)

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SÔNG ĐÀ  
CAO CƯỜNG  
HẢI DƯƠNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Tuấn*

**Nguyễn Văn Tuấn**  
Tổng Giám đốc  
Hải Dương, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Số: 20/2018/KT-AV2-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/03/2018, từ trang 9 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành của Dự án Thạch cao Đình Vũ theo hợp đồng EPC Công nghệ số 01/2012/HDEPC/TCDV-SĐCC ngày 03/10/2012 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường và Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ. Công việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết hơn áp dụng riêng cho công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm kiểm toán, Công ty chưa cung cấp được đầy đủ hồ sơ đối chiếu công nợ phải trả người bán tại ngày 31/12/2017. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng không thu thập được các bằng chứng tin cậy để xác nhận về số dư khoản công nợ phải trả với số tiền là 7.473.910.264 VND được trình bày tại chỉ tiêu "Phải trả người bán ngắn hạn" tại ngày 31/12/2017 trên bảng cân đối kế toán kèm theo và ảnh hưởng của chúng (nếu có) tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 34 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2017, chỉ tiêu "Nợ ngắn hạn" của Công ty lớn hơn "Tài sản ngắn hạn" số tiền 5.184.142.357 VND, khoản lỗ phát sinh năm 2017 là 9.998.880.302 VND. Khả năng thanh toán của Công ty phụ thuộc vào tiến độ thu hồi các khoản phải thu; kết quả thương thảo với ngân hàng và các nhà cung cấp về thời gian trả nợ, tài trợ vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã có những dự kiến về kế hoạch kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong thời gian tới cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc cũng đồng thời đưa ra các giải pháp để duy trì thị trường truyền thống, tìm kiếm thị trường mới nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí. Ban Tổng Giám đốc cho rằng kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian tới là khả thi và vẫn đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong thời gian ít nhất là 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2017. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể vượt qua được những khó khăn và không cần phải thu hẹp quy mô hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 01/03/2017.



**Dương Đình Ngọc**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1699-2018-055-1

Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018

**Đỗ Dương Tùng**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2904-2015-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>76.474.443.541</b>	<b>115.326.484.333</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9.307.924.547</b>	<b>13.371.645.438</b>
1. Tiền	111	5	9.307.924.547	13.371.645.438
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>46.321.423.473</b>	<b>29.985.729.480</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	36.683.414.612	20.427.033.050
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		765.137.407	8.608.205.545
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	14.358.726.636	1.588.079.829
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.485.855.182)	(637.588.944)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.842.229.828</b>	<b>71.377.194.483</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	20.842.229.828	71.377.194.483
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.865.693</b>	<b>591.914.932</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	591.914.932
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.2	2.865.693	-
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>173.771.248.600</b>	<b>183.221.962.217</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>160.041.569.541</b>	<b>162.333.513.848</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	148.459.608.896	150.248.871.784
- Nguyên giá	222		230.109.961.750	219.864.407.558
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.650.352.854)	(69.615.535.774)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	11.581.960.645	12.084.642.064
- Nguyên giá	228		15.650.050.399	15.650.050.399
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.068.089.754)	(3.565.408.335)
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>6.881.025.291</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	-	6.881.025.291
<b>V- Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.730.000.000</b>	<b>11.730.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	11.730.000.000	11.730.000.000
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.999.679.059</b>	<b>2.277.423.078</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.999.679.059	2.277.423.078
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>250.245.692.141</b>	<b>298.548.446.550</b>





(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	147.287.088.413	101.906.503.822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	147.287.088.413	101.906.503.822
4. Giá vốn hàng bán	11	24	130.286.001.994	57.728.946.982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.001.086.419	44.177.556.840
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	44.096.994	155.464.392
7. Chi phí tài chính	22	26	5.879.710.888	4.772.519.106
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.879.615.160	4.772.519.106
8. Chi phí bán hàng	25	27	2.560.911.814	28.695.183.569
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	10.157.267.961	5.412.444.288
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(1.552.707.250)	5.452.874.269
11. Thu nhập khác	31	28	82.804.536	735.811.689
12. Chi phí khác	32	28	8.528.977.588	4.762.676.025
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	(8.446.173.052)	(4.026.864.336)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(9.998.880.302)	1.426.009.933
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-	396.144.651
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(9.998.880.302)	1.029.865.282
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(720)	67

Hà Dương, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Trần Văn Hoan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.998.880.302)	1.426.009.933
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.537.498.499	15.109.608.504
- Các khoản dự phòng	03		4.848.266.238	(79.535.809)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		95.728	(77.599)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(44.096.994)	(37.567.416)
- Chi phí lãi vay	06		5.879.615.160	4.772.519.106
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.222.498.329	21.190.956.719
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.594.910.992)	30.900.980.018
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		50.534.964.655	(22.864.103.773)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.271.387.983)	(11.841.929.209)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		277.744.019	849.586.361
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.979.794.369)	(4.846.857.680)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(396.144.651)	(87.998.061)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(608.141.817)	(1.084.544.551)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>29.184.827.191</b>	<b>12.216.089.824</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.364.528.901)	(38.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.400.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.096.994	49.887.416
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(3.320.431.907)</b>	<b>(8.388.112.584)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	30.005.345.008
3. Tiền thu từ đi vay	33		69.621.441.654	122.129.785.559
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(99.522.814.601)	(146.109.701.772)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.647.500)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(29.928.020.447)</b>	<b>6.025.428.795</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50		<b>(4.063.625.163)</b>	<b>9.853.406.035</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>13.371.645.438</b>	<b>3.518.161.804</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(95.728)	77.599
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	70	5	<b>9.307.924.547</b>	<b>13.371.645.438</b>

Hải Dương, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Trần Văn Hoan

**Tổng Giám đốc**  
 Nguyễn Văn Tuấn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B09-DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0800376530, đăng ký lần đầu ngày 17/04/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Km 28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương.

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường thực hiện niêm yết cổ phần tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 15/09/2010, mã chứng khoán SCL.

Vốn điều lệ của Công ty là 138.899.730.000 VND, số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 13.889.973 với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh thương mại; dịch vụ và sản xuất công nghiệp.**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Khai thác, sản xuất, kinh doanh phụ gia dùng cho công tác bê tông và xi măng (tro bay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại); sản xuất mua bán than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO; sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành khai thác và kinh doanh điện của nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; tái chế phế liệu;

Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình giao thông; xây dựng công trình công ích, chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV; phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: san lấp mặt bằng công trình; lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Buôn bán thực phẩm, chi tiết: bán buôn hàng thực phẩm, thực phẩm chế biến đóng gói; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: bán buôn hàng điện tử, điện lạnh, đồ điện gia dụng, bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn phụ tùng máy tuyền, máy sấy, phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng; bán buôn máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: bán buôn than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu, chi tiết: bán buôn hóa chất phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng, bán buôn phụ gia dùng cho bê tông và xi măng, vật liệu xây dựng;

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09-DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1.3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất phụ tùng cho công tác bê tông, xi măng và vật liệu xây dựng; tư vấn thiết kế chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghệ, xử lý môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác, chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty sản xuất và kinh doanh; khai khoáng khác, chi tiết: khai thác đất cao lanh, quặng sắt, quặng kim loại khác không chứa sắt, khai thác đá, cát sỏi, đất sét.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** không quá 12 tháng.**1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** có thể so sánh được.**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

**4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09-DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.3. Chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**4.4. Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

**4.5. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: chi phí nghiên cứu đề tài thạch cao, các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09-DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp giản đơn.

**4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc, thiết bị	3 - 30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	7

**4.8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09-DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao (tiếp theo)**

- Chi phí phát sinh có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu;
- Chi phí được xác định một cách chắc chắn và gắn liền với tài sản cố định vô hình cụ thể.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản vô hình khác.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	25 - 50
Tài sản vô hình khác	10 - 50

**4.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: tiền thuê đất và chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đã trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**4.10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Kinh phí công đoàn; cô tức, lợi nhuận phải trả; nhận hỗ trợ đề tài nghiên cứu thực cao và các khoản phải trả khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay ngân hàng và cá nhân.

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**4.12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09-DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay và chi phí phải trả khác.

Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay.

**4.14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

**4.15. Doanh thu và thu nhập khác**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính* bao gồm: lãi tiền gửi; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

*Thu nhập khác* phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09-DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm: trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm; giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có); chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**4.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; lỗ chênh lệch tỷ giá. Cụ thể:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ.

- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

**4.18. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vận chuyển, khấu hao tài sản cố định dùng cho bán hàng và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi và chi phí quản lý doanh nghiệp khác.

**4.19. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo văn bản số 2660/CV-TTHT ngày 31/12/2007 của Cục thuế tỉnh Hải Dương, hoạt động “Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải” thuộc lĩnh vực ưu đãi đặc biệt: Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09-DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.19. Thuế (tiếp theo)**

Công ty được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 01/2014/DNKHCN ngày 15/08/2014 (cho các sản phẩm tro bay ẩm, tro bay khô và than qua tuyển). Công ty được hưởng ưu đãi thuế theo các quy định hiện hành với thuế suất 10% và giảm 50% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định 96/2010/ND-CP ngày 20/09/2010: Doanh thu của các sản phẩm, hàng hoá hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Năm 2017 là năm thứ 3 Công ty có doanh thu từ các sản phẩm khoa học công nghệ tuy nhiên năm 2017 Công ty không đáp ứng điều kiện nêu trên (chiếm từ 70% tổng doanh thu trở lên). Do đó, Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế trong năm 2017.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.20. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09-DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.21. Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 16, 23 và 33.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 5 TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	165.949.000	2.156.235.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.141.975.547	11.215.410.438
<b>Cộng</b>	<b>9.307.924.547</b>	<b>13.371.645.438</b>

## 6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>36.683.414.612</b>	<b>20.427.033.050</b>	
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	31.406.977.469	16.340.555.881	
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Linh</i>	<i>1.234.456.120</i>	<i>3.120.695.190</i>	
<i>Công ty Cổ phần Vạn Thiên An</i>	<i>-</i>	<i>4.017.679.311</i>	
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Giang</i>	<i>1.712.872.220</i>	<i>4.552.181.380</i>	
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 12</i>	<i>4.650.000.000</i>	<i>4.650.000.000</i>	
<i>Công ty Cổ phần Thạch Cao Đình Vũ</i>	<i>23.809.649.129</i>	<i>-</i>	
Các khoản phải thu của khách hàng khác	5.276.437.143	4.086.477.169	
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan			
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 12</i>	Mối quan hệ <i>Cổ đồng sáng lập</i>	28.459.649.129	4.650.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ</i>	<i>Góp vốn kinh doanh</i>	23.809.649.129	-

## 7 PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.358.726.636</b>	<b>-</b>	<b>1.588.079.829</b>	<b>-</b>
Phải thu cơ quan bảo hiểm	9.379.634	-	6.508.179	-
Chi phí nghiên cứu đề tài nghiên cứu khoa học Dự án Thạch cao	13.852.712.840	-	494.400.000	-
Phải thu khác	89.993.243	-	89.993.243	-
Tạm ứng	406.640.919	-	997.178.407	-

## 8 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Số dư đầu năm	637.588.944	717.124.753
Trích lập dự phòng	4.848.266.238	(27.047.892)
Hoàn nhập dự phòng	-	(52.487.917)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.485.855.182</b>	<b>637.588.944</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu của khách hàng	5.435.855.182	587.588.944
- Trả trước cho người bán	50.000.000	50.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 9 NỢ XẤU

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>5.925.802.814</b>	<b>439.947.632</b>	<b>5.925.802.814</b>	<b>685.108.195</b>
<i>Các khoản phải thu</i>	<i>5.925.802.814</i>	<i>439.947.632</i>	<i>5.925.802.814</i>	<i>685.108.195</i>
Thời gian quá hạn: từ 1 đến 2 năm	361.033.937	180.516.969	361.033.937	252.723.756
Công ty TNHH Xây dựng Thăng Lợi Đông Triều	69.805.637	34.902.819	69.805.637	48.863.946
Ông Lê Văn Hưng	36.234.000	18.117.000	36.234.000	25.363.800
Ông Trần Văn Nhất	10.494.000	5.247.000	10.494.000	7.345.800
Công ty TNHH MTV Hùng Lộc	110.682.000	55.341.000	110.682.000	77.477.400
Công ty TNHH MTV Xi măng VICEM Hoàng Thạch	106.290.800	53.145.400	106.290.800	74.403.560
Ông Phạm Văn Thi	27.527.500	13.763.750	27.527.500	19.269.250
Thời gian quá hạn: từ 2 đến 3 năm	864.768.877	259.430.663	864.768.877	432.384.439
Ông Nguyễn Văn Ninh	17.028.000	5.108.400	17.028.000	8.514.000
Ông Hoàng Văn Anh	8.328.100	2.498.430	8.328.100	4.164.050
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng số 18	23.175.000	6.952.500	23.175.000	11.587.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Kim Nguyễn	816.237.777	244.871.333	816.237.777	408.118.889
Thời gian quá hạn: trên 3 năm	4.700.000.000	-	4.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	4.650.000.000	-	4.650.000.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Bắc Việt	50.000.000	-	50.000.000	-

## 10 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.802.399.711	-	20.382.738.733	-
Công cụ, dụng cụ	100.014.096	-	138.244.698	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	268.108.000	-	40.237.001.484	-
Thành phẩm	8.652.446.871	-	10.619.209.568	-
Hàng gửi đi bán	19.261.150	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.842.229.828</b>	<b>-</b>	<b>71.377.194.483</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu năm là chi phí của Dự án Thạch cao Đỉnh Vũ theo hợp đồng EPC Công nghệ số 01/2012/HĐEPC/TCDV-SĐCC ngày 03/10/2012 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường và Công ty Cổ phần Thạch cao Đỉnh Vũ. Xem thêm tại thuyết minh số 24.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÀU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Đơn vị tính: VND					
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	64.996.157.980	147.178.171.378	7.660.078.200	30.000.000	219.864.407.558
Tăng trong năm	4.440.119.585	5.805.434.607	-	-	10.245.554.192
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.440.119.585	5.805.434.607	-	-	10.245.554.192
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	69.436.277.565	152.983.605.985	7.660.078.200	30.000.000	230.109.961.750
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	12.715.075.733	50.376.502.915	6.509.037.765	14.919.361	69.615.535.774
Tăng trong năm	3.373.610.725	8.051.762.679	605.157.960	4.285.716	12.034.817.080
Khấu hao trong năm	3.373.610.725	8.051.762.679	605.157.960	4.285.716	12.034.817.080
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	16.088.686.458	58.428.265.594	7.114.195.725	19.205.077	81.650.352.854
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	52.281.082.247	96.801.668.463	1.151.040.435	15.080.639	150.248.871.784
Số cuối năm	53.347.591.107	94.555.340.391	545.882.475	10.794.923	148.459.608.896

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 20.783.369.099 VND (tại ngày 31/12/2016 là 17.166.419.099 VND).

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2017 lần lượt là 183.023.666.276 VND và 132.115.650.032 VND.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tài sản khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	6.734.031.852	8.916.018.547	15.650.050.399
Số cuối năm	6.734.031.852	8.916.018.547	15.650.050.399
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	993.436.442	2.571.971.893	3.565.408.335
Tăng trong năm	164.680.632	338.000.787	502.681.419
Khấu hao trong năm	164.680.632	338.000.787	502.681.419
Số cuối năm	1.158.117.074	2.909.972.680	4.068.089.754
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	5.740.595.410	6.344.046.654	12.084.642.064
Số cuối năm	5.575.914.778	6.006.045.867	11.581.960.645

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2017 lần lượt là 10.828.013.212 VND và 9.583.393.297 VND.

## 13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Dài hạn</b>	1.999.679.059	2.277.423.078
Tiền thuê đất	1.711.707.324	1.960.398.324
Chi phí trả trước nhà máy Gạch	287.971.735	317.024.754

## 14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	Năm nay VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	6.881.025.291
Tăng trong năm	3.364.528.901
Xây dựng cơ bản tài sản cố định	3.364.528.901
Giảm trong năm	10.245.554.192
Kết chuyển sang tài sản cố định	10.245.554.192
<b>Tại ngày 31 tháng 12 (*)</b>	-

(\*) Bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xưởng sản xuất tro bay ăm II	-	2.974.217.456
Công trình khác	-	3.906.807.835
<b>Cộng</b>	-	6.881.025.291

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỐNG ĐẸA CAO CƯỜNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	11.730.000.000	-	(*)	11.730.000.000 (*)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Số đầu năm	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	10.930.000.000	-	(*)	10.930.000.000 (*)
Quỹ tín dụng Phả Lại	800.000.000	-	(*)	800.000.000 (*)
<b>Cộng</b>	<b>11.730.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.730.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.658.061.699</b>	<b>8.179.567.884</b>	
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	4.341.827.549	2.509.350.462	
<i>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại</i>	<i>521.055.149</i>	<i>935.461.292</i>	
<i>Công ty Cổ phần Bắc Sơn</i>	<i>835.300.570</i>	<i>1.335.300.570</i>	
<i>Công ty TNHH Cơ khí Tuấn Mạnh</i>	<i>2.985.471.830</i>	<i>238.588.600</i>	
Phải trả cho các đối tượng khác	6.316.234.150	5.670.217.422	
Phải trả người bán là các bên liên quan	Mối quan hệ	16.500.000	64.864.800
<i>Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường</i>	<i>Cổ đồng sáng lập</i>	-	<i>64.864.800</i>
<i>Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ</i>	<i>Góp vốn kinh doanh</i>	<i>16.500.000</i>	-

## 17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	7.484.425.450	1.452.676.629	6.031.748.821
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	396.144.651	15.800.817	396.144.651	15.800.817
Thuế thu nhập cá nhân (**)	47.846.541	671.785.780	610.632.583	108.999.738
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	10.487.926	10.487.926	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.778.789	-	7.778.789
<b>Cộng</b>	<b>443.991.192</b>	<b>8.193.278.762</b>	<b>2.472.941.789</b>	<b>6.164.328.165</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>17.1 Phải nộp</b>	<b>443.991.192</b>			<b>6.167.193.858</b>
<b>17.2 Phải thu</b>	<b>-</b>			<b>2.865.693</b>

(\*) Số thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm 15.800.817 VND là số thuế TNDN bị truy thu theo Quyết định số 7041/QĐ-CT ngày 15/12/2017 của Cục thuế tỉnh Hải Dương.

(\*\*) Số dư thuế thu nhập cá nhân cuối năm bao gồm thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ tiền lương tiền công số tiền là 111.865.431 VND và thuế thu nhập cá nhân nộp thừa từ hoạt động đầu tư số tiền là 2.865.693 VND.

## 18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>91.237.443</b>	<b>100.179.209</b>
Lãi vay phải trả	56.237.443	100.179.209
Chi phí phải trả khác	35.000.000	-

## 19 PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>16.144.956.600</b>	<b>11.979.072.276</b>
Kinh phí công đoàn	375.185.672	406.789.948
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.299.770.928	1.326.418.428
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.470.000.000	10.245.863.900
<i>Doanh nghiệp tư nhân thương mại Xuân Trường</i>	<i>-</i>	<i>1.083.058.900</i>
<i>Nhận hỗ trợ để tài nghiên cứu khoa học Dự án Thạch cao</i>	<i>14.470.000.000</i>	<i>8.970.000.000</i>
Các khoản phải trả khác	-	192.805.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương theo:

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng về việc cho vay theo hạn mức số 03-2016/1605829/HĐTD giữa Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương ngày 30/11/2016.

Giá trị hạn mức, đồng tiền cho vay: 60.000.000.000 VND;

Thời hạn cấp tín dụng: 30/11/2017;

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;

Lãi suất vay: theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;

Khoản vay được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai tại nhà máy sản xuất gạch nhẹ chung áp AAC, nằm trên thửa đất số BN 459163, số vào sổ cấp GCN CT00148 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/08/2013.

- (2) Khoản vay trung hạn chuyển sang ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/1605829/HĐTDTH giữa Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 11/01/2016.

Hạn mức cho vay: 30.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Tài cấu trúc dư nợ khoản vay đầu tư Nhà máy gạch nhẹ chung áp AAC, công suất thiết kế 260.000 m<sup>3</sup>/năm;

Thời hạn vay: 36 tháng;

Lãi suất vay: 9,5%, điều chỉnh 3 tháng/lần;

Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản đã đang và sẽ hình thành trong tương lai tại nhà máy sản xuất gạch nhẹ chung áp AAC, nằm trên thửa đất số BN 459163, số vào sổ cấp GCN CT00148 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/08/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÁU B09 - DN

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm trước	108.899.730.000	4.869.583.333	30.014.117.574	3.950.284.776	147.733.715.683
Tăng trong năm trước	30.000.000.000	5.345.008	69.961.000	1.082.353.199	31.157.659.207
Tăng vốn trong năm	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.029.865.282	1.029.865.282
Phân phối lợi nhuận	-	-	69.961.000	-	69.961.000
Tăng khác	-	5.345.008	-	52.487.917	57.832.925
Giảm trong năm trước	-	70.000.000	-	116.601.000	186.601.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	116.601.000	116.601.000
Giảm khác	-	70.000.000	-	-	70.000.000
Số cuối năm trước	138.899.730.000	4.804.928.341	30.084.078.574	4.916.036.975	178.704.773.890
Số đầu năm nay	138.899.730.000	4.804.928.341	30.084.078.574	4.916.036.975	178.704.773.890
Tăng trong năm nay	-	-	154.479.792	-	154.479.792
Phân phối lợi nhuận	-	-	154.479.792	-	154.479.792
Giảm trong năm nay	-	-	-	10.272.147.439	10.272.147.439
Lỗ trong năm nay	-	-	-	9.998.880.302	9.998.880.302
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	257.466.320	257.466.320
Truy thu thuế TNDN	-	-	-	15.800.817	15.800.817
Số cuối năm nay	138.899.730.000	4.804.928.341	30.238.558.366	(5.356.110.464)	168.587.106.243

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	18.320.060.000	18.320.060.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3.630.000.000	3.630.000.000
Cổ đông khác	116.949.670.000	116.949.670.000
<b>Cộng</b>	<b>138.899.730.000</b>	<b>138.899.730.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	138.899.730.000	108.899.730.000
Tăng trong năm	-	30.000.000.000
Tăng bằng tiền	-	30.000.000.000
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>138.899.730.000</b>	<b>138.899.730.000</b>
<b>b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	4.916.036.975	3.950.284.776
Tăng trong năm	-	1.082.353.199
Lợi nhuận tăng trong năm	-	1.029.865.282
Tăng khác	-	52.487.917
Giảm trong năm	10.272.147.439	116.601.000
Lỗ trong năm	9.998.880.302	-
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	257.466.320	116.601.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	154.479.792	69.961.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	102.986.528	46.640.000
Truy thu thuế TNDN	15.800.817	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(5.356.110.464)</b>	<b>4.916.036.975</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 29/06/2017.

	Số cuối năm cổ phiếu	Số đầu năm cổ phiếu
<b>c. Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.889.973	13.889.973
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.889.973	13.889.973
Cổ phiếu phổ thông	13.889.973	13.889.973
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.889.973	13.889.973
Cổ phiếu phổ thông	13.889.973	13.889.973
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

## 22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	405,65	288,62

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 23 DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>147.287.088.413</b>	<b>101.906.503.822</b>
Doanh thu bán tro bay	2.458.898.559	54.651.794.209
Doanh thu bán xỉ than, phê thải	2.243.712.134	20.280.788.711
Doanh thu bán gạch, vữa và dịch vụ khác	36.242.542.996	22.722.422.084
Doanh thu hợp đồng xây dựng (*)	106.341.934.724	4.251.498.818
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>147.287.088.413</b>	<b>101.906.503.822</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan		Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ - Doanh thu hợp đồng EPC		Góp vốn kinh doanh
	106.341.934.724	4.251.498.818
Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ - Doanh thu bán với bột		Góp vốn kinh doanh
	345.748.320	-

(\*) Hợp đồng EPC Công nghệ số 01/2012/HĐEPC/TCĐV-SĐCC ngày 03/10/2012 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường và Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ (Dự án Thạch cao Đình Vũ) đã được nghiệm thu quyết toán theo bảng tổng hợp giá trị nghiệm thu thanh toán từng lần.

## 24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn tro bay đã bán	2.905.759.716	13.987.222.842
Giá vốn xỉ than, phê thải	1.830.672.396	19.298.513.243
Giá vốn gạch, vữa và dịch vụ khác	30.744.676.183	21.727.783.606
Giá vốn hợp đồng xây dựng (*)	94.804.893.699	2.715.427.291
<b>Cộng</b>	<b>130.286.001.994</b>	<b>57.728.946.982</b>

(\*) Chi phí thực hiện Dự án Thạch cao Đình Vũ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm khi dự án hoàn nghiệm thu thanh toán từng lần như đã trình bày tại thuyết minh số 23.

## 25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.296.994	37.567.416
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.800.000	12.320.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	105.576.976
<b>Cộng</b>	<b>44.096.994</b>	<b>155.464.392</b>

## 26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.879.615.160	4.772.519.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá	95.728	-
<b>Cộng</b>	<b>5.879.710.888</b>	<b>4.772.519.106</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 27 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>2.560.911.814</b>	<b>28.695.183.569</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	2.026.281.243	26.852.226.246
<i>Chi phí nhân viên quản lý bán hàng</i>	<i>1.006.509.746</i>	<i>1.455.213.457</i>
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	<i>363.715.624</i>	<i>471.176.510</i>
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>656.055.873</i>	<i>24.925.836.279</i>
Các khoản chi phí bán hàng khác	534.630.571	1.842.957.323
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>10.157.267.961</b>	<b>5.412.444.288</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	6.799.821.305	3.345.132.232
<i>Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp</i>	<i>1.454.901.790</i>	<i>2.796.958.184</i>
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	<i>496.653.277</i>	<i>548.174.048</i>
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>4.848.266.238</i>	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.357.446.656	2.067.312.056

## 28 LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản khác	82.804.536	735.811.689
<b>Thu nhập khác</b>	<b>82.804.536</b>	<b>735.811.689</b>
Khấu hao nhà máy gạch nhẹ và nhà máy tro bay giai đoạn ngừng sản xuất	8.141.998.086	4.478.974.040
Các khoản bị phạt	7.778.789	4.600.000
Chi phí tháo dỡ, vận chuyển máy móc thiết bị ở nhà máy tro bay	-	217.957.578
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy gạch	353.701.872	-
Các khoản khác	25.498.841	61.144.407
<b>Chi phí khác</b>	<b>8.528.977.588</b>	<b>4.762.676.025</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(8.446.173.052)</b>	<b>(4.026.864.336)</b>

## 29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.841.177.952	37.347.326.708
Chi phí nhân công	17.242.576.525	6.443.572.686
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.203.712.514	4.659.658.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.610.830.873	3.960.167.469
Chi phí khác	7.260.212.046	1.022.615.122
<b>Cộng</b>	<b>98.158.509.910</b>	<b>53.433.340.051</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 30 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	(9.998.880.302)	1.426.009.933
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	8.533.977.379	2.665.689.310
Khấu hao của tài sản cố định ngừng hoạt động	8.141.998.086	-
Khấu hao ô tô dưới 9 chỗ có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	96.387.504	96.387.504
Thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	276.000.000	217.500.000
Chi phí không được trừ khác	19.591.789	2.351.801.806
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	(1.464.902.923)	4.091.699.243
Trong đó:		
- Hoạt động khoa học công nghệ	(439.889.927)	2.814.634.655
- Hoạt động khác	(1.025.012.996)	1.277.064.588
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	-	396.144.651
- Hoạt động khoa học công nghệ (10% x 50%) (*)	-	140.731.733
- Hoạt động khác (20%)	-	255.412.918
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>396.144.651</b>

(\*) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động khoa học công nghệ năm 2017 xem thêm tại thuyết minh số 4.19.

## 31 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	(9.998.880.302)	1.029.865.282
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	102.986.528
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	-	102.986.528
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	(9.998.880.302)	926.878.754
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	13.889.973	13.799.809
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	(720)	67



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 32 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.20.

	Giá trị ghi sổ Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	9.307.924.547	13.371.645.438
Phải thu của khách hàng	31.247.559.430	14.991.177.868
Phải thu khác	89.993.243	89.993.243
<b>Cộng</b>	<b>40.645.477.220</b>	<b>28.452.816.549</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	10.658.061.699	8.179.567.884
Chi phí phải trả	91.237.443	100.179.209
Phải trả khác	1.299.770.928	2.602.282.328
Vay và nợ thuê tài chính	44.908.661.906	74.810.034.853
<b>Cộng</b>	<b>56.957.731.976</b>	<b>85.692.064.274</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

## 33 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

## ### Giao dịch với các bên liên quan

		Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	Cổ đồng sáng lập	137.390.000	748.738.000
Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	Góp vốn kinh doanh	962.429.062	-

## Số dư với các bên liên quan

		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	Góp vốn kinh doanh	-	19.542.799.281

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 33 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

<i>Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</i>	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	471.936.000	198.035.231
Ban Tổng Giám đốc	935.460.542	951.707.071
<b>Cộng</b>	<b>1.407.396.542</b>	<b>1.149.742.302</b>

## 34 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2017, chỉ tiêu “Nợ ngắn hạn” của Công ty lớn hơn “Tài sản ngắn hạn” số tiền 5.184.142.357 VND, khoản lỗ phát sinh năm 2017 là 9.998.880.302 VND. Khả năng thanh toán của Công ty phụ thuộc vào tiến độ thu hồi các khoản phải thu; kết quả thương thảo với ngân hàng và các nhà cung cấp về thời gian trả nợ, tài trợ vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã có những dự kiến về kế hoạch kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong thời gian tới cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc cũng đồng thời đưa ra các giải pháp để duy trì thị trường truyền thống, tìm kiếm thị trường mới nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí. Ban Tổng Giám đốc cho rằng kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian tới là khả thi và vẫn đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong thời gian ít nhất là 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2017. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể vượt qua được những khó khăn và không cần phải thu hẹp quy mô hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

## 35 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Phụ trách kế toán



Trần Văn Hoan

Hải Dương, ngày 22 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Văn Tuấn